TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc thẩm**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ - PT.
Ngày: 06/02/2018.
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thân Quốc Hùng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương
Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 /02/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử Phúc thẩm thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2017/HNGĐ - PT ngày 22/11/2017 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 76/2017/HNGĐ-ST ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Phúc thẩm thẩm số: 02/2018/QĐ-PT ngày 08/01/2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm1991 (Có mặt);

ĐKHKTT: Thôn ĐL, xã YM, huyện LG, Bắc Giang;

Nơi ở hiện nay: Xóm G, thôn AD, xã ĐA, huyện VB, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị T: Luật sư Trần Mạnh T – Luật sư Văn phòng Luật sư KN, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt);

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1987 (Có mặt);

ĐKHKTT: Thôn ĐL, xã YM, huyện LG, Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Đội A, xã KK, huyện GL, Hà Nội

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn P - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn P năm 2014 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn một phần là do anh P mải chơi không quan tâm đến gia đình, một phần do tính cách và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát, xúc phạm nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không thay đổi được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh D sinh ngày 15/01/2015. Hiện cháu đang ở cùng chị, nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh P góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết giấy báo, giấy triệu tập nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn P là bị đơn trong vụ án không đến Toà án để làm việc. Toà án đã xác minh tại địa phương và gia đình thì được biết: Anh P làm nghề tự do nên thường xuyên vắng nhà, anh P cũng không làm thủ tục khai báo tạm vắng khỏi địa phương, gia đình nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh P nhưng anh P không về.

Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Nguyễn Văn P vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Với nội dung như trên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 76/2017/HNGĐ-ST ngày 09/10/2017 của TAND huyện LG đã áp dụng Điều 56, 57, 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn P.

[2].Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh D sinh ngày 15/01/2015.Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết cho đến khi đương sự có yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

[3].Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0002393 ngày 03/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 17/10/2017, anh Nguyễn Văn P là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do anh cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của chị T để giải quyết vụ án là không khách quan, có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy trình tố tụng; nếu chị T cố tình ly hôn thì anh đồng ý nhưng anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh P đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm thẩm xem xét giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh và con anh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2017, bị đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị T vào năm 2014 tại UBND xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về chung sống với bố mẹ anh tại Thôn ĐL, xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ tháng 10/2016, hai vợ chồng xuống Hà Nội thuê nhà để làm ăn, đến tầm tháng 5/2017 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn lời ra tiếng vào, anh có mắng chửi nhưng không đánh đập chị T. Đến tháng 8/2017 chị T bỏ đi đâu thì anh không biết, anh có đến công ty Z76 – Bộ Quốc phòng nơi Chị T làm việc để tìm chị T thì được biết chị T đã bỏ việc, không đi làm. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nếu chị T đồng ý về chung sống nuôi dạy con thì anh đồng ý, nhưng nếu chị T vẫn muốn ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 15/01/2015. Hiện tại cháu đang ở với bố. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang làm ở Phòng Kinh doanh của công ty Cổ phần đầu tư HT, thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Phúc thẩm thẩm:

Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, anh Nguyễn Văn P là bị đơn kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh không đề nghị Tòa án xem xét vấn đề hôn nhân, anh đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh D, cháu D từ bé đã ở với anh, hiện cháu đang học tại Trường Mầm non của quân đội gần chỗ ở. Bản thân anh có công việc ổn định, thu nhập trên 15.000.000đ/tháng, anh có điều kiện chăm sóc và để ổn định cuộc sống của cháu nên anh đề nghị Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị T trình bày: Cháu Nguyễn Anh D còn nhỏ, mới trên 36 tháng tuổi được mấy ngày nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Hiện nay, chị T có công việc, chỗ ở và thu nhập ổn định nên đảm bảo việc nuôi con chung tốt hơn anh P. Do đó, đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị đồng ý với ý kiến của Luật sư, chị đề nghị được nuôi con chung và chị đảm bảo cuộc sống cho cháu Nguyễn Anh D phát triển tốt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70,71, 72,73 của Bộ luật tố tụng dân sự.Về nội dung: Cháu Nguyễn Anh D còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ hơn, do vậy cần giữ nguyên án sơ thẩm. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.Ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa Phúc thẩm thẩm, anh P không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề hôn nhân, anh P đồng ý ly hôn với Chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về vấn đề hôn nhân.

[2] *Về nuôi con chung:* Chị T và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 15/01/2015. Khi ly hôn, Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Bản án sơ thẩm giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra với anh P do chị T không yêu cầu. Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này. Anh P không đồng ý, xét kháng cáo của anh P, Hội đồng xét xử thấy:

Tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, cháu Nguyễn Anh D được 32 tháng 24 ngày tuổi. Căn cứ theo khoản 3 Điều 81, Luật Hôn nhân gia đình; chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con và theo nguyện vọng của chị T thì Tòa án cấp sơ thẩm đã giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Nay anh P và chị T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, đây là nguyện vọng chính đáng, thể hiện lòng yêu thương con và trách nhiệm, tình cảm của người làm bố, làm mẹ đối với con cái. Cả hai anh chị đều có điều kiện về kinh tế, có công việc thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Theo tài liệu có trong hồ sơ, anh P hiện đang làm Phó Phòng kinh doanh, công ty Cổ phần đầu tư HT, địa chỉ: thôn DN, xã VH, huyện ĐA, Hà Nội, thu nhập hàng tháng bình quân 15 triệu đồng; Anh P có hợp đồng thuê nhà lâu dài tại Đội N, xã KK, huyện GL, Hà Nội. Còn chị T đang làm Kế toán bán hàng cho Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu ĐL; địa chỉ: Thôn LP, xã MP, huyện ML, tỉnh Nam Định, thu nhập bình quân hàng tháng từ 6-9 triệu đồng; Hiện nay chị T đang ở cùng gia đình bố mẹ đẻ ở Xóm G, thôn AD, huyện VB, tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất tinh thần. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 01/02/2018, hiện nay cháu Nguyễn Anh D đang được anh P chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện cháu đang theo học ổn định tại trường mầm non SM – Nhà máyZ – Bộ Quốc phòng, chị T cũng thừa nhận điều này. Tòa án cấp phúc thẩm thấy: Để đảm bảo giờ giấc sinh hoạt, học tập, vui chơi cho cháu Nguyễn Anh D thì cần thiết phải thay đổi người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của anh P, sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Nguyễn Anh D cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh P không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này anh P là người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản chung*: Do các đương sự không yêu cầu, Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của anh P được chấp nhận nên anh P không phải chịu án phí dân sự Phúc thẩm thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy địnhvề án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho anh P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự Phúc thẩm thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn P, sửa bản án sơ thẩm về phần con chung.

Áp dụng: Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 148 Bộ luật TTDS; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy địnhvề án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1.Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh D, sinh ngày 15/01/2015 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng không đặt ra với chị T.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

2..Về án phí: Anh Nguyễn Văn P không phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự Phúc thẩm thẩm. Hoàn trả cho anh Nguyễn Tiến P số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0004088 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hôn nhân gia đình Phúc thẩm thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các ĐS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Thân Quốc Hùng